

Bản án số: 186/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07/5/2020.

V/v Ly hôn giữa bà T và ông Ph

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-. Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Bảy

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Hiệp;

2. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đức- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 808/2019/TLST-HNGĐ ngày 05/12/2019, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐSTXX-HNGĐ ngày 13/02/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐ-HPT ngày 12/3/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐST-HPT ngày 09/4/2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1978

Địa chỉ: Khu phố Q, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐCLL: Đường E, Khu phố R, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh

(Đương sự có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Hồ Châu Ph, sinh năm 1964

Địa chỉ: Đường Y, Phường U, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh

(Đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Bà T và ông Hồ Châu Ph chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường U, Quận S theo Giấy chứng nhận kết hôn số 149/2018 ngày 15/10/2018.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 8/2019, giữa hai vợ chồng bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, đến nay hai vợ chồng không còn tiếng nói chung, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Mặc dù hai bên

đã tự hòa giải, hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả. Bà T và ông Ph đã sống ly thân từ tháng 9/2019 đến nay. Hiện nay, bà T xác định không còn tình cảm vợ, chồng với ông Ph nên có nguyện vọng được ly hôn với ông Ph

- Về con chung: Bà T và ông Hồ Châu Ph không có con chung.
- Về tài sản chung: Bà T tự khai không có;
- Về nợ chung: Bà T tự khai không có.

Bị đơn: ông Hồ Châu Ph thống nhất và xác nhận lời khai về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn như lời trình bày của Bà Nguyễn Thị Thanh T.

Thời gian đầu kết hôn, hai vợ chồng chung sống bình thường, đến khoảng tháng 3/2019, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, có cãi vã nhưng không thường xuyên. Nguyên nhân là do mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, không cùng quan điểm sống vì bà T không chịu về sống cùng chồng tại địa chỉ Đường Y, Khu dân cư K, Phường U, Quận S. Từ lúc kết hôn đến nay, vợ chồng chỉ sống chung được khoảng hai tháng, còn lại thì mỗi người một nơi. Tuy nhiên, ông Ph xác định vẫn còn tình cảm với bà T, vẫn yêu thương và mong muốn chung sống với bà T nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: không có con chung.
- Về tài sản chung: Ông Ph tự khai không có;
- Về nợ chung: Ông Ph tự khai không có.

Vụ án không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh không gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về tố tụng: Vụ án thuộc trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Bị đơn có nơi cư trú tại Quận 6 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Hồ Châu Ph tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 149/2018 ngày 15/10/2018 tại Ủy ban nhân dân Phường U, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh) nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy:

Cuộc sống hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Hồ Châu Ph phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”. Tuy nhiên, sau khi kết hôn, bà T và ông Ph chỉ chung sống với nhau trong khoảng hai tháng, sau đó từ tháng 9/2019 đến nay đã sống ly thân mỗi người một nơi. Hiện nay hai vợ chồng không còn tiếng nói chung,

đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Mặc dù hai bên đã tự hòa giải, hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả.

Ông Hồ Châu Ph thừa nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống về vấn đề tiền bạc và do bà T không đồng ý chuyển về ở cùng chồng tại địa chỉ Đường Y, Khu dân cư K, Phường U, Quận S. Hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi, tuy nhiên, ông Ph xác định vẫn còn tình cảm với bà T nên không đồng ý ly hôn.

Tòa án đã tiến hành hòa giải, nhưng mâu thuẫn giữa bà T và ông Ph không thể hàn gắn được, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông Ph đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên bà T yêu cầu ly hôn là có căn cứ.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Hồ Châu Ph không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông Ph tự khai không có tài sản chung và không nợ ai vì vậy Hội đồng xét xử cũng không xem xét.

3. Về án phí: Bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Luật phí và lệ phí.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Hồ Châu Ph

- Về con chung: không có.

- Về tài sản chung: không có tài sản chung và không có nợ ai.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0011786 ngày 05/12/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 6. Bà T đã nộp đủ án phí.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc bản án được tổng đạt, niên yết hợp lệ

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 6;
- Chi cục THADS Quận 6;
- UBND Phường U, Quận S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bé Bảy